

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
533	31721054	Nhập môn điện ảnh	19-0101	2	Nguyễn Thanh Trường	19CVH	B3-301	5	Chiều	6	2	12345—890123456789—
534	31721490	Ngôn ngữ học xã hội	19-0101	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	19CVH	B3-502	6	Chiều	8	2	12345—890123456789—
535	31721586	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành (ngôn ngữ)	19-0101	2	Trần Văn Sáng	19CVH	B3-303	3	Sáng	4	2	12345—890123456789—
536	31721588	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành (văn học)	19-0101	2	Ngô Minh Hiền	19CVH	B4-03	4	Chiều	8	2	12345—890123456789—
537	31721857	Tiểu trình văn học	19-0101	2	Phạm Thị Thu Hương	19CVH	B3-401	6	Sáng	4	2	12345—890123456789—
538	31721936	Văn bản Hán văn Trung Quốc	19-0101	2	Hoàng Hoài Thương	19CVH	B3-203	3	Chiều	9	2	12345—890123456789—
539	31721961	Văn học Hy Lạp cổ đại	19-0101	2	Nguyễn Phương Khánh	19CVH	B4-04	2	Chiều	7	2	12345—890123456789—
540	31731497	Ngữ pháp tiếng Việt	19-0102	3	Trần Văn Sáng	19CVH	B3-206	2	Sáng	1	3	12345—890123456789—
541	31741340	Khuynh hướng văn học và loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam	19-0101	4	Nguyễn Phong Nam	19CVH	A6-503	7	Sáng	1	4	12345—890123456789—
542	31721034	Các di sản văn hóa nổi tiếng thế giới	19-0101	2	Nguyễn Ngọc Chính	19CVHH	B3-105	4	Sáng	1	2	12345—890123456789—
543	31721491	Ngôn ngữ và văn hóa	19-0101	2	Lê Đức Luận	19CVHH	B3-305	3	Chiều	6	2	12345—890123456789—
544	31721587	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành (văn hóa học)	19-0101	2	Nguyễn Hoàng Thân	19CVHH	B3-204	2	Sáng	3	2	12345—890123456789—
545	31721949	Văn hóa miền Trung - Tây Nguyên	19-0101	2	Hoàng Thị Mai Sa	19CVHH	AO	2	Sáng	1	2	12345—890123456789—
546	31731444	Lý luận văn hóa	19-0101	3	Phạm Thị Tú Trinh	19CVHH	A5-406	3	Sáng	3	3	12345—890123456789—
547	31741953	Văn hóa phương Tây	19-0101	4	Vũ Thường Linh	19CVHH	A5-406	4	Chiều	6	4	12345—890123456789—
548	31821409	Lịch sử kiến trúc Việt Nam	19-0101	2	Võ Thị Vy Phương	19CVHH	B3-104	7	Sáng	4	2	12345—890123456789—
549	31831939	Văn hoá âm thực Việt Nam	19-0101	3	Hoàng Thị Mai Sa	19CVHH	AO	4	Sáng	3	3	12345—890123456789—
550	31721087	Cơ sở ngôn ngữ văn tự Hán Nôm	19-0101	2	Nguyễn Hoàng Thân	19SNV	B3-402	2	Sáng	1	2	12345—890123456789—
551	31721143	Dẫn luận văn học Việt Nam hiện đại từ 1900 đến nay	19-0101	2	Bùi Bích Hạnh	19SNV	B3-203	3	Sáng	1	2	12345—890123456789—
552	31721194	Điện cổ trong văn học trung đại Việt Nam	19-0101	2	Nguyễn Quang Huy	19SNV	A5-402	3	Chiều	6	2	12345—890123456789—
553	31721403	Lý luận dạy học Ngữ Văn	19-0101	2	Nguyễn Đăng Châu	19SNV	A6-302	2	Sáng	3	3	12345—890123456789—
554	31721610	Phương tiện dạy học Ngữ Văn	19-0101	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	19SNV	A5-402	5	Sáng	4	2	12345—890123456789—
555	31721878	Tiếp nhận văn học	19-0101	2	Nguyễn Thanh Trường	19SNV	B3-206	4	Sáng	4	2	12345—890123456789—
556	31731497	Ngữ pháp tiếng Việt	19-0101	3	Hồ Trần Ngọc Oanh	19SNV	A5-402	5	Sáng	1	3	12345—890123456789—
557	31741956	Văn học châu Á	19-0101	4	Trần Ái Vân	19SNV	A5-402	4	Chiều	6	4	12345—890123456789—
558	32021593	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	19-0102	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	19SNV	B3-502	2	Chiều	8	2	12345—890123456789—
559	32021738	Tham vấn tâm lý	19-0105	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	19SNV	A5-402	6	Sáng	1	2	12345—890123456789—
560	31821597	Phương pháp luận sử học	19-0402	2	Trương Anh Thuận	19CLS	B3-504	7	Sáng	4	2	12345—890123—6789—
561	31821849	Thực tế chuyên môn	19-0402	2	Khoa Lịch sử	19CLS					2	12345—890123—6789—
562	31831004	AH của văn hoá Trung Hoa, Ấn Độ đối với Việt Nam	19-0401	3	Lê Thị Mai	19CLS	A1-203	2	Sáng	3	3	12345—890123—6789—
563	31831590	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành QHQT	19-0402	3	Lưu Trang	19CLS	B3-105	5	Sáng	3	3	12345—890123—6789—
564	31831880	Tiếp xúc văn hóa giữa phương Đông và phương Tây	19-0402	3	Lê Thị Mai	19CLS	B3-105	4	Sáng	3	3	12345—890123—6789—
565	31821075	Nghiep vụ nhà hàng	19-0301	2	Tô Văn Hạnh	19CVNH1	B3-406	2	Sáng	4	2	12345—89012—6789—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
566	31821676	Thực tế chuyên môn 1	19-0301	2	Khoa Lịch sử	19CVNH1					2	12345—89012—6789—
567	31831155	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	19-0301	3	Ngô Thị Hương	19CVNH1	A6-402	5	Sáng	3	3	12345—89012—6789—
568	31831561	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	19-0301	3	Lê Thị Thu Hiền	19CVNH1	B3-402	6	Chiều	6	3	12345—89012—6789—
569	31831941	Văn hóa biển đảo ở Việt Nam	19-0301	3	Lê Thị Thu Hiền	19CVNH1	B4-02	4	Sáng	3	3	12345—89012—6789—
570	31831943	Văn hoá Champa	19-0301	3	Trần Thị Mai An	19CVNH1	A5-403	2	Sáng	1	3	12345—89012—6789—
571	31841487	Nghiep vụ hướng dẫn du lịch	19-0301	4	Tô Văn Hạnh	19CVNH1	B3-203	7	Sáng	1	4	12345—89012—6789—
572	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	19-0308	2	Vương Thị Bích Thủy	19CVNH1+	A6-202	3	Sáng	3	2	12345—89012—6789—
573	31821075	Nghiep vụ nhà hàng	19-0302	2	Tô Văn Hạnh	19CVNH2	B3-401	5	Sáng	4	2	12345—89012—6789—
574	31821676	Thực tế chuyên môn 1	19-0302	2	Khoa Lịch sử	19CVNH2					2	12345—89012—6789—
575	31831155	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	19-0302	3	Ngô Thị Hương	19CVNH2	A6-502	6	Chiều	6	3	12345—89012—6789—
576	31831561	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	19-0302	3	Lê Thị Thu Hiền	19CVNH2	A6-503	4	Chiều	6	3	12345—89012—6789—
577	31831941	Văn hóa biển đảo ở Việt Nam	19-0302	3	Lê Thị Thu Hiền	19CVNH2	B3-202	6	Sáng	1	3	12345—89012—6789—
578	31831943	Văn hoá Champa	19-0302	3	Trần Thị Mai An	19CVNH2	A5-402	5	Chiều	6	3	12345—89012—6789—
579	31841487	Nghiep vụ hướng dẫn du lịch	19-0302	4	Tô Văn Hạnh	19CVNH2	A6-503	4	Sáng	1	4	12345—89012—6789—
580	21228903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	19-0302	2	Nguyễn Thị Hương	19CVNHC	A6-401	3	Chiều	9	2	12345—89012—6789—
581	31728022	Tiếng Việt thực hành	19-0302	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	19CVNHC	A6-301	7	Sáng	1	4	12345—89012—6789—
582	31828142	Thực tế chuyên môn 1	19-0301	2	Khoa Lịch sử	19CVNHC					2	12345—89012—6789—
583	31838127	Văn hóa biển đảo ở Việt Nam	19-0301	3	Lê Thị Thu Hiền	19CVNHC	A6-501	5	Chiều	6	3	12345—89012—6789—
584	31838137	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	19-0301	3	Lê Thị Thu Hiền	19CVNHC	A6-301	7	Chiều	6	3	12345—89012—6789—
585	31838138	Văn hoá Champa	19-0301	3	Trần Thị Mai An	19CVNHC	A6-401	3	Sáng	1	3	12345—89012—6789—
586	31838159	Tiếng Anh chuyên ngành 1	19-0301	3	Ngô Thị Hương	19CVNHC	A6-401	3	Chiều	6	3	12345—89012—6789—
587	31848154	Nghiep vụ hướng dẫn du lịch	19-0301	4	Tô Văn Hạnh	19CVNHC	A5-202	6	Sáng	1	4	12345—89012—6789—
588	31821333	Khảo cổ học đại cương	19-0401	2	Trương Anh Thuận	19SLD	B3-304	2	Sáng	4	2	12345—890123—6789—
589	31821473	Một số vấn đề về biển đảo Việt Nam	19-0401	2	Nguyễn Duy Phương	19SLD	A6-202	3	Chiều	6	2	12345—890123—6789—
590	31821502	Nhân học đại cương	19-0401	2	Trần Thị Mai An	19SLD	B3-304	3	Sáng	4	2	12345—890123—6789—
591	31821664	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lý	19-0401	2	Đặng Thị Thùy Dương	19SLD	B3-304	3	Sáng	1	3	12345—890123—6789—
592	31831623	Lý luận dạy học Lịch sử và Địa lý	19-0401	3	Đặng Thị Thùy Dương	19SLD	B3-304	2	Sáng	1	3	12345—890123—6789—
593	31931141	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	19-0401	3	Nguyễn Văn Thái	19SLD	B4-05	7	Sáng	1	3	12345—890123—6789—
594	31821849	Thực tế chuyên môn	19-0401	2	Khoa Lịch sử	19SLS					2	12345—890123—6789—
595	31821883	Tin học chuyên ngành (2)	19-0401	2	Đặng Thị Thùy Dương	19SLS	A5-408	3	Chiều	9	2	12345—890123—6789—
596	31831437	Lý luận dạy học lịch sử	19-0401	3	Trương Trung Phương	19SLS	A5-408	4	Sáng	1	3	12345—890123—6789—
597	31831474	Một số vấn đề về triều Nguyễn	19-0401	3	Nguyễn Duy Phương	19SLS	A5-308	5	Chiều	6	3	12345—890123—6789—
598	31831566	Phương pháp dạy học các môn xã hội	19-0401	3	Đặng Thị Thùy Dương	19SLS	A5-408	4	Chiều	6	3	12345—890123—6789—
599	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	19-0411	2	Nguyễn Thị Hương	19SLS+	B3-101	5	Sáng	1	2	12345—890123—6789—
600	31841426	Lịch sử Việt Nam hiện đại	19-0401	4	Nguyễn Minh Phương	19SLS+	A6-302	6	Sáng	2	4	12345—890123—6789—
601	32021273	Giao tiếp sư phạm	19-0401	2	Bùi Thị Thanh Diệu	19SLS+	B3-405	6	Chiều	6	2	12345—890123—6789—
602	32021593	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	19-0401	2	Nguyễn Hoàng Hải	19SLS+	A1-102	7	Sáng	4	2	12345—890123—6789—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
603	31821457	Marketing du lịch	19-0401	2	Ngô Thị Hường	19CDDL	B3-101	4	Sáng	4	2	12345—890123—6789—
604	31821661	Quy hoạch du lịch	19-0401	2	Nguyễn Thanh Tường	19CDDL	B3-306	6	Sáng	1	2	12345—890123—6789—
605	31921285	Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam	19-0401	2	Tăng Chánh Tín	19CDDL	B3-403	2	Sáng	3	2	12345—890123—6789—
606	31921431	Luật du lịch	19-0401	2	Đoàn Thị Thông	19CDDL	A5-107	5	Chiều	6	2	12345—890123—6789—
607	31921599	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	19-0401	2	Trương Văn Cảnh	19CDDL	B3-403	2	Chiều	6	2	12345—890123—6789—
608	31921775	Thực địa Địa lý du lịch	19-0401	2	Khoa Địa Lý	19CDDL	B3-403	3	Sáng	1	2	12345—890123—6789—
609	31931176	Địa lý du lịch Việt Nam	19-0401	3	Nguyễn Đặng Thảo Nguyên	19CDDL	B4-06	4	Sáng	1	3	12345—890123—6789—
610	31931181	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	19-0401	3	Nguyễn Đặng Thảo Nguyên	19CDDL	B4-06	3	Chiều	6	3	12345—890123—6789—
611	31931290	Hệ thống thông tin địa lý	19-0401	3	Nguyễn Thị Diệu	19CDDL	A5-207	5	Sáng	1	3	12345—890123—6789—
612	31921029	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	19-0401	2	Trần Thị Ân	19SDL	B3-105	5	Sáng	1	2	12345—890123—6789—
613	31921777	Thực địa địa lý tự nhiên	19-0401	2	Khoa Địa Lý	19SDL	B3-105	7	Sáng	1	2	12345—890123—6789—
614	31931178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	19-0401	3	Trương Văn Cảnh	19SDL	B3-104	4	Chiều	6	3	12345—890123—6789—
615	31931179	Địa lý kinh tế - xã hội thể giới 1	19-0401	3	Nguyễn Văn Thái	19SDL	B3-404	2	Chiều	6	3	12345—890123—6789—
616	31931189	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khái quát)	19-0401	3	Trần Thị Ân	19SDL	B3-404	3	Sáng	3	3	12345—890123—6789—
617	31931436	Lý luận dạy học địa lí	19-0401	3	Nguyễn Văn Thái	19SDL	B3-404	4	Sáng	1	3	12345—890123—6789—
618	31941184	Địa lý tự nhiên các lục địa	19-0401	4	Hoàng Thị Diệu Hương	19SDL	B3-502	5	Chiều	6	4	12345—890123—6789—
619	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	19-0414	2	Nguyễn Thị Hương	19CTL	A6-403	3	Sáng	1	2	12345—890123—6789—
620	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	19-0402	2	Đặng Thị Thủy Dương	19CTL	A5-107	6	Chiều	8	2	12345—890123—6789—
621	32021135	Đại cương văn hoá Việt Nam	19-0401	2	Phạm Thị Tú Trinh	19CTL	B3-406	5	Chiều	9	2	12345—890123—6789—
622	32021852	Thực tế tâm lý học	19-0401	2	Hoàng Thế Hải	19CTL					2	12345—890123—6789—
623	32031712	Tâm lý học chẩn đoán	19-0401	3	Lê Mỹ Dung	19CTL	B3-506	3	Sáng	3	3	12345—890123—6789—
624	32031720	Tâm lý học giới tính	19-0401	3	Bùi Văn Vân	19CTL	A5-402	2	Chiều	6	3	12345—890123—6789—
625	32041602	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	19-0401	4	Lê Mỹ Dung	19CTL	B3-402	4	Chiều	6	4	12345—890123—6789—
626	32041726	Tâm lý học phát triển 2	19-0401	4	Bùi Thị Thanh Diệu	19CTL	A5-402	2	Sáng	1	4	12345—890123—6789—
627	21228903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	19-0403	2	Nguyễn Thị Hương	19CTL	B3.202B	4	Sáng	2	2	12345—890123—6789—
628	32028093	Psychopathology (Tâm bệnh học)	19-0401	2	Lâm Tứ Trung	19CTL	A6-301	6	Chiều	9	2	12345—890123—6789—
629	32038088	Tâm lý học chẩn đoán	19-0401	3	Lê Mỹ Dung	19CTL	A6-501	6	Sáng	3	3	12345—890123—6789—
630	32038096	Clinical psychology (Tâm lý học lâm sàng)	19-0401	3		19CTL					3	12345—890123—6789—
631	32038107	Tâm lý học giới tính	19-0401	3	Bùi Văn Vân	19CTL	A6-301	3	Sáng	3	3	12345—890123—6789—
632	32048068	Phương pháp Giáo dục kỹ năng sống	19-0401	4	Lê Thị Duyên	19CTL	A5-202	2	Chiều	6	4	12345—890123—6789—
633	32048079	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	19-0401	4	Lê Mỹ Dung	19CTL	A6-501	5	Sáng	2	4	12345—890123—6789—
634	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	19-0215	2	Vương Thị Bích Thủy	19CTXH	A1-203	5	Sáng	3	2	12345—890—56789—
635	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	19-0202	2	Phạm Thị Tú Trinh	19CTXH	A5-408	4	Sáng	4	2	12345—890—56789—
636	32021126	Công tác xã hội với phụ nữ	19-0201	2	Hà Văn Hoàng	19CTXH	A5-408	5	Chiều	9	2	12345—890—56789—
637	32031059	Chính sách xã hội	19-0201	3	Hà Văn Hoàng	19CTXH	A5-408	6	Sáng	1	3	12345—890—56789—
638	32031125	Công tác xã hội với nhóm	19-0201	3	Phạm Thị Kiều Duyên	19CTXH	B4-04	3	Sáng	1	3	12345—890—56789—
639	32031736	Tâm lý học xã hội	19-0201	3	Nguyễn Thị Phương Trang	19CTXH	B4-03	3	Chiều	6	3	12345—890—56789—
640	32041738	Tham vấn tâm lý	19-0201	4	Nguyễn Thị Hằng Phương	19CTXH	B3-304	4	Chiều	6	4	12345—890—56789—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
641	32041790	Thực hành Công tác xã hội với nhóm	19-0201	4	Phạm Thị Kiều Duyên	19CTXH					4	12345—890—56789—
642	32221262	Giáo dục môi trường cho HS tiểu học	01	2	Nguyễn Phan Lâm Quyền	19STH1	B3-101	3	Chiều	9	2	12345—890123456789—
643	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	19-0116	2	Nguyễn Thị Thu Huyền	19STH1	B3-402	6	Sáng	1	2	12345—890123456789—
644	32221156	Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm	19-0101	2	Nguyễn Thị Thuý Nga	19STH1	B3-102	5	Sáng	1	2	12345—890123456789—
645	32221667	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học	19-0101	2	Nguyễn Phan Lâm Quyền	19STH1	B3-102	5	Sáng	3	2	12345—890123456789—
646	32221683	Sinh lý học trẻ em	19-0101	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	19STH1	B3-102	6	Sáng	4	2	12345—890123456789—
647	32221700	Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học	19-0101	2	Nguyễn Phan Lâm Quyền	19STH1	B3-502	4	Chiều	6	2	12345—890123456789—
648	32221773	Công nghệ và phương pháp dạy học ở tiểu học	19-0101	2	Trần Thị Kim Cúc	19STH1	B3-302	4	Sáng	4	2	12345—890123456789—
649	32221884	Tin học chuyên ngành 2	19-0101	2	Trần Văn Hưng	19STH1	B3-402	4	Sáng	1	2	12345—890123456789—
650	32221920	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	19-0101	2	Lê Văn Trung	19STH1	B3-302	2	Sáng	4	2	12345—890123456789—
651	32241576	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	19-0101	4	Hoàng Nam Hải	19STH1	B3-102	5	Chiều	6	4	12345—890123456789—
652	32244021	Đại cương phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	19-0101	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	19STH1	B3-102	3	Sáng	1	4	12345—890123456789—
653	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	19-0117	2	Vương Thị Bích Thuý	19STH2	A5-107	5	Sáng	1	2	12345—890123456789—
654	32221601	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở tiểu học	19-0101	2	Hoàng Nam Hải	19STH2	B3-206	3	Sáng	4	2	12345—890123456789—
655	32221667	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học	19-0102	2	Nguyễn Phan Lâm Quyền	19STH2	B3-502	4	Chiều	8	2	12345—890123456789—
656	32221683	Sinh lý học trẻ em	19-0102	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	19STH2	B3-206	2	Chiều	9	2	12345—890123456789—
657	32221773	Công nghệ và phương pháp dạy học ở tiểu học	19-0102	2	Trần Thị Kim Cúc	19STH2	B4-06	5	Sáng	3	2	12345—890123456789—
658	32221884	Tin học chuyên ngành 2	19-0102	2	Trần Văn Hưng	19STH2	B3-402	3	Sáng	2	2	12345—890123456789—
659	32221920	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	19-0102	2	Lê Văn Trung	19STH2	A5-107	4	Sáng	3	2	12345—890123456789—
660	32241576	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	19-0102	4	Hoàng Nam Hải	19STH2	A5-107	2	Sáng	1	4	12345—890123456789—
661	32244021	Đại cương phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	19-0102	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	19STH2	A5-107	6	Sáng	1	4	12345—890123456789—
662	32321639	Quản lý giáo dục mầm non	19-0101	2	Bùi Việt Phú	19SMN	B3-403	3	Chiều	9	2	12345—890123456789—
663	32321895	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	19-0101	2	Tôn Nữ Diệu Hằng	19SMN	B3-403	4	Sáng	4	2	12345—890123456789—
664	32321896	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ ở trường mầm non	19-0101	2	Nguyễn Thị Triều Tiên	19SMN	B3-403	4	Chiều	6	2	12345—890123456789—
665	32321931	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	19-0101	2	Lê Viết Chung	19SMN	B3-202	6	Chiều	6	2	12345—890123456789—
666	32331563	Phương pháp chăm sóc và vệ sinh trẻ em	19-0101	3	Mai Thị Cẩm Nhung	19SMN	B3-403	3	Sáng	3	3	12345—890123456789—
667	32331582	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	19-0101	3	Phan Thị Nga	19SMN	B3-403	5	Sáng	1	3	12345—890123456789—
668	32331892	Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non	19-0101	3	Tôn Nữ Diệu Hằng	19SMN	B3-403	5	Chiều	6	3	12345—890123456789—
669	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	19-0109	2	Hoàng Thị Kim Liên	19SMN+	B3-206	4	Chiều	8	2	12345—890123456789—
670	00201264	Giáo dục quốc phòng	QK5	0		QK5					4	-----7890-----
671	00201264	Giáo dục quốc phòng	TDTT	0		TDTT					4	-----7890-----
672	31121884	Tin học chuyên ngành 2	20-0101	2	Tôn Thất Tú	20ST1	B3-103	4	Sáng	1	3	-2345—890123456-----
673	31131131	Đa thức và nhân tử hóa	20-0101	3	Nguyễn Ngọc Châu	20ST1	B3-301	6	Sáng	1	3	-2345—890123456-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
674	31131293	Hình học Affline và hình học Euclide	20-0101	3	Trần Nam Sinh	20ST1	B3-501	2	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
675	31151249	Giải tích thực nhiều biến	20-0101	5	Phạm Quý Mười	20ST1	A6-403	5	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
676	31151249	Giải tích thực nhiều biến	20-0101	5	Phạm Quý Mười	20ST1	B3-501	3	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
677	32021738	Tham vấn tâm lý	20-0101	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20ST1	B3-101	2	Chiều	9	2	-2345-890123456-----
678	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0102	4	Lê Mỹ Dung	20ST1	B3-501	3	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
679	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0101	3	Phạm Huy Thành	20ST1+	B3-202	7	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
680	31121884	Tin học chuyên ngành 2	20-0102	2	Tôn Thất Tú	20ST2	B3-403	6	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
681	31131131	Đa thức và nhân tử hóa	20-0102	3	Nguyễn Ngọc Châu	20ST2	B3-503	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
682	31131293	Hình học Affline và hình học Euclide	20-0102	3	Trần Nam Sinh	20ST2	B3-403	6	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
683	31151249	Giải tích thực nhiều biến	20-0102	5	Hoàng Nhật Quy	20ST2	A6-502	5	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
684	31151249	Giải tích thực nhiều biến	20-0102	5	Hoàng Nhật Quy	20ST2	B3-203	2	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
685	32021738	Tham vấn tâm lý	20-0102	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20ST2	A6-502	3	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
686	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0103	4	Hoàng Thế Hải	20ST2	A5-402	4	Sáng	1	4	-2345-890123456-----
687	31121884	Tin học chuyên ngành 2	20-0103	2	Lê Văn Dũng	20ST3	A6-402	5	Chiều	8	3	-2345-890123456-----
688	31131131	Đa thức và nhân tử hóa	20-0103	3	Nguyễn Ngọc Châu	20ST3	B3-503	7	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
689	31131293	Hình học Affline và hình học Euclide	20-0103	3	Trương Công Quỳnh	20ST3	B3-301	4	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
690	31151249	Giải tích thực nhiều biến	20-0103	5	Lương Quốc Tuyển	20ST3	B3-103	2	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
691	31151249	Giải tích thực nhiều biến	20-0103	5	Lương Quốc Tuyển	20ST3	B3-403	4	Chiều	8	3	-2345-890123456-----
692	32021738	Tham vấn tâm lý	20-0103	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20ST3	B3-401	3	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
693	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0104	4	Hồ Thị Thuý Hằng	20ST3	B3-502	3	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
694	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0102	3	Lê Văn Thao	20ST3+	A6-302	3	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
695	31121884	Tin học chuyên ngành 2	20-0104	2	Lê Văn Dũng	20ST4	A6-503	3	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
696	31131131	Đa thức và nhân tử hóa	20-0104	3	Nguyễn Ngọc Châu	20ST4	A6-402	4	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
697	31131293	Hình học Affline và hình học Euclide	20-0104	3	Trương Công Quỳnh	20ST4	B3-401	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
698	31151249	Giải tích thực nhiều biến	20-0104	5	Lương Quốc Tuyển	20ST4	B3-103	2	Chiều	9	2	-2345-890123456-----
699	31151249	Giải tích thực nhiều biến	20-0104	5	Lương Quốc Tuyển	20ST4	B3-403	7	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
700	32021738	Tham vấn tâm lý	20-0104	2	Bùi Thị Thanh Diệu	20ST4	B3-306	7	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
701	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0105	4	Bùi Thị Thanh Diệu	20ST4	A6-503	5	Sáng	1	4	-2345-890123456-----
702	31221451	Lý thuyết tính toán	20-0101	2	Trần Văn Hưng	20CNTT1	A6-402	2	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
703	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	20-0102	3	Phạm Anh Phương	20CNTT1	B3-402	5	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
704	31231363	Kiến trúc máy tính	20-0101	3	Vũ Thị Trà	20CNTT1	B3-101	2	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
705	31231387	Lập trình C/C++ nâng cao	20-0101	3	Lê Thị Thu Nga	20CNTT1	A6-403	7	Sáng	3	3	-2345-890123456-----
706	31231907	Tối ưu tuyến tính	20-0101	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTT1	B3-507	3	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
707	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	20-0101	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20CNTT1	B3-302	5	Chiều	8	2	-2345-890123456-----
708	32021370	Kỹ năng giao tiếp	20-0101	2	Hồ Thị Thuý Hằng	20CNTT1	A6-302	4	Sáng	3	2	-2345-890123456-----
709	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0103	3	Lê Văn Thao	20CNTT1+	B3-202	7	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
710	31221451	Lý thuyết tính toán	20-0102	2	Trần Văn Hưng	20CNTT2	B3-406	3	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
711	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	20-0103	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTT2	B3-507	2	Chiều	6	3	-2345-890123456-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
712	31231363	Kiến trúc máy tính	20-0102	3	Đoàn Duy Bình	20CNTT2	A6-403	4	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
713	31231387	Lập trình C/C++ nâng cao	20-0102	3	Phạm Anh Phương	20CNTT2	B3-507	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
714	31231907	Tối ưu tuyến tính	20-0102	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTT2	A-301	5	Sáng	3	3	-2345-890123456-----
715	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	20-0102	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20CNTT2	B3-502	6	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
716	32021370	Kỹ năng giao tiếp	20-0102	2	Hồ Thị Thuý Hằng	20CNTT2	B3-203	2	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
717	31221451	Lý thuyết tính toán	20-0103	2	Nguyễn Thị Minh Hy	20CNTT3	A5-206	2	Chiều	9	2	-2345-890123456-----
718	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	20-0104	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTT3	A6-202	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
719	31231363	Kiến trúc máy tính	20-0103	3	Đoàn Duy Bình	20CNTT3	A6-502	2	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
720	31231387	Lập trình C/C++ nâng cao	20-0103	3	Phạm Anh Phương	20CNTT3	B3-507	6	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
721	31231907	Tối ưu tuyến tính	20-0103	3	Trần Quốc Chiến	20CNTT3	B3-302	5	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
722	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	20-0103	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20CNTT3	B3-302	6	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
723	32021370	Kỹ năng giao tiếp	20-0103	2	Hoàng Thế Hải	20CNTT3	B3-301	5	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
724	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0104	3	Lê Văn Thao	20CNTT3+	B3-206	4	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
725	31218008	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	20-0101	1	Nguyễn Đình Lầu	20CNTTC	A6-401	6	Chiều	8	2	-2345-890123456-----
726	31228061	Tối ưu tuyến tính	20-0101	2	Nguyễn Đình Lầu	20CNTTC	A6-401	6	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
727	31238026	Lập trình hướng đối tượng	20-0101	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTTC	A6-301	4	Sáng	3	3	-2345-890123456-----
728	31238028	Cấu trúc dữ liệu & giải thuật	20-0101	3	Phạm Anh Phương	20CNTTC	A6-501	3	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
729	31248029	Kiến trúc máy tính và Nguyên lý hệ điều hành	20-0101	4	Vũ Thị Trà	20CNTTC	A6-301	4	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
730	31628019	Các chủ đề về đạo đức, luật pháp và xã hội trong công nghệ thông tin	20-0101	2	Nguyễn Thị Hoài Thương	20CNTTC	A6-501	2	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
731	32028020	Kỹ năng giao tiếp	20-0101	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20CNTTC	A6-401	2	Sáng	3	2	-2345-890123456-----
732	21238902	Triết học Mác - Lênin	20-0101	3	Đinh Thị Phượng	20CNTTC+	A6-301	5	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
733	31221451	Lý thuyết tính toán	20-0104	2	Nguyễn Thị Minh Hy	20CNTTD	A5-209	2	Chiều	7	2	-2345-890123456-----
734	31231363	Kiến trúc máy tính	20-0104	3	Đoàn Duy Bình	20CNTTD	A1-203	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
735	31231387	Lập trình C/C++ nâng cao	20-0104	3	Lê Thị Thu Nga	20CNTTD	B3-105	7	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
736	31231907	Tối ưu tuyến tính	20-0104	3	Trần Quốc Chiến	20CNTTD	B3-304	3	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
737	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	20-0104	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20CNTTD	B3-304	5	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
738	32021370	Kỹ năng giao tiếp	20-0104	2	Hoàng Thế Hải	20CNTTD	B3-503	3	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
739	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	20-0101	3	Phạm Anh Phương	20CNTTD+	B3-305	6	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
740	31141901	Toán cao cấp 2	20-0101	4	Phan Đức Tuấn	20SVL	A5-107	3	Sáng	2	4	-2345-890123456-----
741	31321458	Thí nghiệm Cơ học	20-0101	2	Đinh Thanh Khấn	20SVL	B3-407	4	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
742	31321458	Thí nghiệm Cơ học	20-0102	2	Đinh Thanh Khấn	20SVL	B3-407	5	Sáng	1	4	-2345-890123456-----
743	31321458	Thí nghiệm Cơ học	20-0103	2	Đinh Thanh Khấn	20SVL	B3-407	5	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
744	31331459	Nhiệt học	20-0101	3	Đinh Thanh Khấn	20SVL	A6-402	6	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
745	31421299	Hóa đại cương	20-0101	2	Võ Thắng Nguyên	20SVL	A5-403	2	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
746	32031255	Giáo dục học	20-0103	3	Lê Thị Duyên	20SVL	A5-403	3	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
747	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0110	3	Lưu Thị Mai Thanh	20SVL+	B3-302	4	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
748	31441318	Hóa vô cơ	20-0101	4	Phạm Văn Tuấn	20CHD	A1-101	5	Sáng	1	4	-2345-890123456-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
749	31522142	Phân loại thực vật	20-0101	2	Ngô Thị Hoàng Vân	20CHD	A5-401	7	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
750	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0106	3	Trịnh Sơn Hoan	20CHD+	B3-102	6	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
751	31331980	Vật lý đại cương 2	20-0102	3	Nguyễn Văn Hiếu	20SHH1	B3-406	5	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
752	31421084	Cơ sở lý thuyết hoá hữu cơ	20-0102	2	Đỗ Thị Thúy Vân	20SHH1	A1-101	6	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
753	31421085	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	20-0102	2	Phạm Văn Tuấn	20SHH1	A6-202	3	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
754	31441511	Nhiệt và động hóa học	20-0102	4	Mai Văn Bảy	20SHH1	B3-406	7	Sáng	1	4	-2345-890123456-----
755	32031255	Giáo dục học	20-0104	3	Lê Thị Duyên	20SHH1	B3-306	2	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
756	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0106	4	Nguyễn Thị Phương Trang	20SHH1	A1-204	5	Sáng	1	4	-2345-890123456-----
757	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0105	3	Trần Hồng Lưu	20SHH1+	B3-302	6	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
758	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0107	4	Bùi Thị Thanh Diệu	20SHH2	B3-306	3	Sáng	1	4	-2345-890123456-----
759	31331980	Vật lý đại cương 2	20-0101	3	Mai Thị Kiều Liên	20SHH2+	B3-303	6	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
760	31421084	Cơ sở lý thuyết hoá hữu cơ	20-0101	2	Đỗ Thị Thúy Vân	20SHH2+	B4-03	2	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
761	31421085	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	20-0101	2	Ngô Thị Mỹ Bình	20SHH2+	B3-501	6	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
762	31441511	Nhiệt và động hóa học	20-0101	4	Vũ Thị Duyên	20SHH2+	A6-402	4	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
763	32031255	Giáo dục học	20-0102	3	Lê Thị Hằng	20SHH2+	B3-406	2	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
764	31122226	Toán cao cấp 2	20-0101	2	Chữ Văn Tiếp	20SKT	A5-406	7	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
765	31342227	Cơ, sóng cơ và thiên văn	20-0101	4	Dụng Văn Lữ	20SKT	A1-204	2	Sáng	1	4	-2345-890123456-----
766	31442259	Hóa học Đại cương	20-0101	4	Mai Văn Bảy	20SKT	B3-405	4	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
767	31542236	Sinh học Đại cương	20-0101	4	Nguyễn Tấn Lê	20SKT	A1-204	3	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
768	31431315	Hóa phân tích	20-0101	3	Nguyễn Thị Hường	20CNSH	B3-404	3	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
769	31521018	Thống kê sinh học	20-0101	2	Trần Quang Dân	20CNSH	B3-204	2	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
770	31521155	An toàn Sinh học	20-0101	2	Trần Quang Dân	20CNSH	B3-504	5	Chiều	8	2	-2345-890123456-----
771	31521589	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành CN Sinh học	20-0101	2	Trần Quang Dân	20CNSH	B3-504	4	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
772	31521832	Thực hành vi sinh vật học	20-0101	2	Đoàn Thị Vân	20CNSH					2	12345-890123456-----
773	31521987	Vi sinh vật học	20-0101	2	Đoàn Thị Vân	20CNSH	B3-104	5	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
774	31522213	Kỹ năng học tập và khởi nghiệp	20-0101	2	Khoa Sinh - MT	20CNSH					2	12345-890123456-----
775	31531503	Nhập môn công nghệ sinh học	20-0101	3	Võ Châu Tuấn	20CNSH	B3-504	6	Sáng	1	4	-2345-890123456-----
776	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0109	3	Lưu Thị Mai Thanh	20CNSH+	B3-302	6	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
777	31121994	Xác suất thống kê	20-0101	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20CTM	A5-408	5	Sáng	3	2	-2345-890123456-----
778	31411797	Thực hành hóa đại cương	20-0101	1	Vũ Thị Duyên	20CTM	B2-203	2	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
779	31411802	Thực hành hóa phân tích	20-0101	1	Lê Thị Tuyết Anh	20CTM	D-205	6	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
780	31421315	Hóa phân tích	20-0101	2	Nguyễn Tiên Hoàng	20CTM	B4-05	3	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
781	31512218	Thực tế trải nghiệm	20-0101	1	Kiều Thị Kính	20CTM					2	-2345-890123456-----
782	31521596	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học môi trường	20-0101	2	Nguyễn Văn Khánh	20CTM	B4-05	6	Sáng	2	2	-2345-890123456-----
783	31521688	Sinh thái học	20-0101	2	Nguyễn Văn Khánh	20CTM	B4-05	6	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
784	31921825	Thực hành trắc địa Đại cương	20-0101	2	Lê Ngọc Hành	20CTM					2	-2345-890123456-----
785	31931916	Trắc địa Đại cương	20-0101	3	Nguyễn Thị Diệu	20CTM	B3-405	4	Sáng	3	3	-2345-890123456-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
786	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0108	3	Trần Hồng Lưu	20CTM+	B3-302	7	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
787	31521307	Hóa học phân tích	20-0101	2	Võ Thắng Nguyên	20SS	B3-405	2	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
788	31531206	Sinh thái học và môi trường	20-0101	3	Nguyễn Văn Khánh	20SS	B4-05	2	Chiều	8	3	-2345-890123456-----
789	31551679	Sinh học động vật	20-0101	5	Nguyễn Thị Tường Vi	20SS	B4-05	3	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
790	31551679	Sinh học động vật	20-0101	5	Nguyễn Thị Tường Vi	20SS	B4-05	5	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
791	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0107	3	Trịnh Sơn Hoan	20SS+	B3-402	7	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
792	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0101	4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20SS+	A6-502	4	Sáng	1	4	-2345-890123456-----
793	31622048	Nhạc lý 2	20-0101	2	Hoàng Đình Phương	20SAN	C3.101	3	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
794	31622052	Kỹ xướng âm 2	20-0101	2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	20SAN	C3.102	3	Sáng	3	2	-2345-890123456-----
795	31622052	Kỹ xướng âm 2	20-0102	2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	20SAN	C3.102	3	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
796	31622060	Nhạc cụ phím điện tử 2	20-0101	2	Phan Thị Quỳnh Lam	20SAN	C3.102	4	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
797	31622060	Nhạc cụ phím điện tử 2	20-0102	2	Phan Thị Quỳnh Lam	20SAN	C3.102	7	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
798	31622060	Nhạc cụ phím điện tử 2	20-0103	2	Phan Thị Quỳnh Lam	20SAN	C3.102	6	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
799	31622065	Thanh nhạc 2	20-0101	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	20SAN	C3.102	4	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
800	31622065	Thanh nhạc 2	20-0102	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	20SAN	C3.102	5	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
801	31622065	Thanh nhạc 2	20-0103	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	20SAN	C3.102	5	Sáng	3	2	-2345-890123456-----
802	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	20-0101	2	Trương Trung Phương	20SAN	B3-301	5	Chiều	8	2	-2345-890123456-----
803	32021273	Giao tiếp sư phạm	20-0102	2	Hoàng Thế Hải	20SAN	B3-403	6	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
804	32031255	Giáo dục học	20-0105	3	Lê Thị Duyên	20SAN	A1-204	6	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
805	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0102	2	Lê Viết Chung	20SAN+	A5-206	2	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
806	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0101	2	Phạm Thị Tú Trinh	20SAN+	A6-402	5	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
807	31622039	Âm nhạc cơ bản	20-0101	2	Nguyễn Thị Thu Phương	20SCD	C3.102	2	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
808	32021273	Giao tiếp sư phạm	20-0103	2	Hoàng Thế Hải	20SCD	B3-507	3	Sáng	3	2	-2345-890123456-----
809	31622024	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	20-0101	2	Vương Thị Bích Thuý	20SGC	A5-306	4	Chiều	8	2	-2345-890123456-----
810	31631901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (chuyên)	20-0101	3	Trần Phan Hiếu	20SGC	A5-407	3	Sáng	3	3	-2345-890123456-----
811	31632022	Lịch sử triết học phương Tây	20-0101	3	Dương Đình Tùng	20SGC	A5-407	3	Chiều	8	3	-2345-890123456-----
812	31821320	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	20-0101	2	Nguyễn Duy Phương	20SGC	A1-203	5	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
813	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0101	2	Trần Văn Hưng	20SGC+	A5-206	2	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
814	31641231	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	20-0101	4	Nguyễn Văn Đông	20SGC+	A5-403	6	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
815	32021429	Logic học	20-0101	2	Dương Đình Tùng	20SGC+	A5-403	5	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
816	32031255	Giáo dục học	20-0101	3	Lê Thị Hằng	20SGC+	A5-403	6	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
817	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	20-0101	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	20SGC+	B3-206	2	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
818	31721489	Ngôn ngữ báo chí	20-0101	2	Bùi Trọng Ngoan	20CBC1	B3-503	4	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
819	31721873	Tiếng Việt thực hành	20-0101	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20CBC1	B3-305	6	Sáng	2	2	-2345-890123456-----
820	31721970	Văn học và báo chí	20-0101	2	Nguyễn Thanh Trường	20CBC1	B3-101	3	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
821	31721993	Xã hội học đại cương	20-0101	2	Trần Ái Vân	20CBC1	B3-302	3	Sáng	4	2	-2345-890123456-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
822	31722085	Đại cương văn học nước ngoài	20-0101	2	Nguyễn Phương Khánh	20CBC1	B3-406	4	Chiều	9	2	-2345-890123456
823	31722090	Tác phẩm báo chí	20-0101	2	Cao Thị Xuân Phụng	20CBC1	B3-101	2	Sáng	1	3	-2345-890123456
824	31722101	Báo chí và dư luận xã hội	20-0101	2	Trần Thị Hòa	20CBC1	B3-104	5	Sáng	2	2	-2345-890123456
825	31722164	Báo chí và chính trị	20-0101	2		20CBC1						-2345-890123456
826	31742089	Lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam	20-0101	4	Phạm Thị Thu Hà	20CBC1	B3-306	3	Chiều	6	4	-2345-890123456
827	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0104	2	Lê Viết Chung	20CBC1+	A5-207	4	Chiều	6	3	-2345-890123456
828	31721489	Ngôn ngữ báo chí	20-0102	2	Bùi Trọng Ngoan	20CBC2	A5-107	7	Sáng	4	2	-2345-890123456
829	31721873	Tiếng Việt thực hành	20-0102	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20CBC2	B3-302	3	Chiều	8	2	-2345-890123456
830	31721970	Văn học và báo chí	20-0102	2	Nguyễn Thanh Trường	20CBC2	B3-201	5	Sáng	3	2	-2345-890123456
831	31722085	Đại cương văn học nước ngoài	20-0102	2	Nguyễn Phương Khánh	20CBC2	B3-305	6	Sáng	4	2	-2345-890123456
832	31722090	Tác phẩm báo chí	20-0102	2	Cao Thị Xuân Phụng	20CBC2	B3-101	4	Sáng	1	3	-2345-890123456
833	31722101	Báo chí và dư luận xã hội	20-0102	2	Trần Thị Hòa	20CBC2	B3-305	2	Sáng	2	2	-2345-890123456
834	31722164	Báo chí và chính trị	20-0102	2		20CBC2						-2345-890123456
835	31742089	Lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam	20-0102	4	Phạm Thị Thu Hà	20CBC2	B3-306	6	Chiều	6	4	-2345-890123456
836	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0111	3	Lê Đức Tâm	20CBC2+	B3-302	2	Chiều	6	3	-2345-890123456
837	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0105	2	Dặng Thị Kim Ngân	20CBC2+	A5-206	5	Chiều	6	3	-2345-890123456
838	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0111	2	Lê Văn Mỹ	20CBC3	A5-206	7	Sáng	1	3	-2345-890123456
839	31721489	Ngôn ngữ báo chí	20-0103	2	Bùi Trọng Ngoan	20CBC3	B3-203	7	Chiều	6	2	-2345-890123456
840	31721873	Tiếng Việt thực hành	20-0103	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20CBC3	B3-506	2	Chiều	6	2	-2345-890123456
841	31721970	Văn học và báo chí	20-0103	2	Nguyễn Thanh Trường	20CBC3	B3-105	3	Chiều	6	2	-2345-890123456
842	31721993	Xã hội học đại cương	20-0103	2	Nguyễn Quang Huy	20CBC3	B3-503	6	Sáng	4	2	-2345-890123456
843	31722085	Đại cương văn học nước ngoài	20-0103	2	Nguyễn Phương Khánh	20CBC3	A1-204	4	Chiều	7	2	-2345-890123456
844	31722090	Tác phẩm báo chí	20-0103	2	Cao Thị Xuân Phụng	20CBC3	B3-303	3	Sáng	1	3	-2345-890123456
845	31722101	Báo chí và dư luận xã hội	20-0103	2	Trần Thị Hòa	20CBC3	B3-104	5	Sáng	4	2	-2345-890123456
846	31722164	Báo chí và chính trị	20-0103	2		20CBC3						-2345-890123456
847	31742089	Lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam	20-0103	4	Phạm Thị Thu Hà	20CBC3	B3-502	4	Sáng	1	4	-2345-890123456
848	31728022	Tiếng Việt thực hành	20-0101	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20CBCC	A1-201	3	Chiều	6	2	-2345-890123456
849	31728113	Văn học và báo chí	20-0101	2	Nguyễn Thanh Trường	20CBCC	B3.202B	5	Chiều	8	2	-2345-890123456
850	31728116	Tác phẩm báo chí	20-0101	2	Phan Thanh Hằng	20CBCC	A5-202	5	Chiều	6	2	-2345-890123456
851	31728118	Ngôn ngữ báo chí	20-0101	2	Bùi Trọng Ngoan	20CBCC	A1-201	2	Chiều	9	2	-2345-890123456
852	31728130	Báo chí và dư luận xã hội	20-0101	2	Trần Thị Hòa	20CBCC	A6-301	6	Sáng	4	2	-2345-890123456
853	31728149	Báo chí và chính trị	20-0101	2	Khoa Ngữ văn	20CBCC					2	-2345-890123456
854	31748115	Lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam	20-0101	4	Phạm Thị Thu Hà	20CBCC	A1-201	4	Chiều	6	4	-2345-890123456
855	31228012	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0101	2	Vũ Thị Trà	20CBCC+	A5-201	4	Sáng	1	3	-2345-890123456
856	31521470	Môi trường và con người	20-0101	2	Phan Thị Hoa	20CVH	B3-104	4	Sáng	4	2	-2345-890123456
857	31721142	Dẫn luận văn học trung đại Việt Nam	20-0101	2	Nguyễn Quang Huy	20CVH	A5-407	4	Chiều	6	2	-2345-890123456
858	31721957	Văn học dân gian các dân tộc thiểu số	20-0101	2	Đàm Nghĩa Hiếu	20CVH	A5-407	4	Chiều	8	2	-2345-890123456
859	31731506	Nhập môn lý luận văn học	20-0101	3	Nguyễn Thanh Trường	20CVH	B3-104	4	Sáng	1	3	-2345-890123456

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
860	31731969	Văn học Trung Quốc	20-0101	3	Trần Ái Vân	20CVH	A5-407	5	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
861	31821424	Lịch sử Việt Nam đại cương	20-0101	2	Nguyễn Minh Phương	20CVH	A5-406	5	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
862	31621741	Thế chế chính trị Việt Nam hiện đại	20-0101	2	Trương Anh Thuận	20CVHH	B3-305	6	Chiều	9	2	-2345-890123456-----
863	31721958	Văn học dân gian Việt Nam	20-0101	2	Đàm Nghĩa Hiếu	20CVHH	B3-304	4	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
864	31722152	Văn hóa dân gian Việt Nam	20-0101	2	Lê Đức Luận	20CVHH	B3-405	2	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
865	31821078	Cơ sở khảo cổ học	20-0101	2	Trương Anh Thuận	20CVHH	B3-205	6	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
866	31821132	Đại cương dân tộc học và các tộc người ở Việt Nam	20-0101	2	Trần Thị Mai An	20CVHH	A5-401	2	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
867	31831418	Lịch sử tư tưởng phương Đông	20-0101	3	Nguyễn Hoàng Thân	20CVHH	A6-202	2	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
868	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0112	3	Dương Đình Tùng	20CVHH+	B3-202	5	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
869	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0108	2	Lê Văn Mỹ	20SNV1	A5-206	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
870	31721133	Đại cương mỹ học	20-0102	2	Nguyễn Phương Khánh	20SNV1	B3-507	6	Chiều	9	2	-2345-890123456-----
871	31721287	Hệ thống thể loại và ngôn ngữ văn học trung đại Việt Nam	20-0101	2	Nguyễn Quang Huy	20SNV1	B3-507	7	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
872	31721493	Ngữ âm tiếng Việt	20-0102	2	Trần Văn Sáng	20SNV1	A6-402	6	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
873	31721621	PPL NCKH chuyên ngành (Ngôn ngữ học)	20-0101	2	Trần Văn Sáng	20SNV1	A6-502	3	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
874	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	20-0101	2	Ngô Minh Hiền	20SNV1	B4-04	3	Chiều	8	2	-2345-890123456-----
875	31731706	Tác phẩm và thể loại văn học	20-0101	3	Phạm Thị Thu Hương	20SNV1	B3-103	2	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
876	32031255	Giáo dục học	20-0106	3	Lê Thị Duyên	20SNV1	A6-403	3	Sáng	3	3	-2345-890123456-----
877	31721133	Đại cương mỹ học	20-0103	2	Nguyễn Thanh Trường	20SNV2	B3-201	5	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
878	31721287	Hệ thống thể loại và ngôn ngữ văn học trung đại Việt Nam	20-0102	2	Nguyễn Quang Huy	20SNV2	B3-301	2	Chiều	9	2	-2345-890123456-----
879	31721493	Ngữ âm tiếng Việt	20-0103	2	Trần Văn Sáng	20SNV2	B3-301	4	Chiều	9	2	-2345-890123456-----
880	31721621	PPL NCKH chuyên ngành (Ngôn ngữ học)	20-0102	2	Trần Văn Sáng	20SNV2	B3-301	6	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
881	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	20-0102	2	Ngô Minh Hiền	20SNV2	B3-301	3	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
882	31731706	Tác phẩm và thể loại văn học	20-0102	3	Phạm Thị Thu Hương	20SNV2	B3-103	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
883	32031255	Giáo dục học	20-0107	3	Lê Thị Duyên	20SNV2	B3-303	4	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
884	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0103	2	Lê Viết Chung	20SNV2+	A5-206	3	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
885	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0109	2	Lê Văn Mỹ	20SNV3	A5-206	5	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
886	31721133	Đại cương mỹ học	20-0104	2	Nguyễn Thanh Trường	20SNV3	B3-301	3	Chiều	8	2	-2345-890123456-----
887	31721287	Hệ thống thể loại và ngôn ngữ văn học trung đại Việt Nam	20-0103	2	Nguyễn Quang Huy	20SNV3	B3-301	4	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
888	31721493	Ngữ âm tiếng Việt	20-0104	2	Trần Văn Sáng	20SNV3	B3-301	6	Chiều	9	2	-2345-890123456-----
889	31721621	PPL NCKH chuyên ngành (Ngôn ngữ học)	20-0103	2	Trần Văn Sáng	20SNV3	B3-306	2	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
890	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	20-0103	2	Ngô Minh Hiền	20SNV3	B3-507	4	Sáng	2	2	-2345-890123456-----
891	31731706	Tác phẩm và thể loại văn học	20-0103	3	Phạm Thị Thu Hương	20SNV3	B3-303	5	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
892	32031255	Giáo dục học	20-0108	3	Lê Thị Hằng	20SNV3	A6-403	6	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
893	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0110	2	Lê Văn Mỹ	20SNV4	A5-206	4	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
894	31721287	Hệ thống thể loại và ngôn ngữ văn học trung đại Việt Nam	20-0104	2	Nguyễn Quang Huy	20SNV4	B3-507	2	Sáng	3	2	-2345-890123456-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
895	31721621	PPL NCKH chuyên ngành (Ngôn ngữ học)	20-0104	2	Trần Văn Sáng	20SNV4	B3-501	5	Chiều	9	2	-2345-890123456-----
896	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	20-0104	2	Ngô Minh Hiền	20SNV4	B3-306	4	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
897	31731706	Tác phẩm và thể loại văn học	20-0104	3	Phạm Thị Thu Hương	20SNV4	B3-303	3	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
898	32031255	Giáo dục học	20-0109	3	Lê Thị Hằng	20SNV4	B3-303	5	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
899	31721133	Đại cương mỹ học	20-0101	2	Nguyễn Phương Khánh	20SNV4+	B3-201	2	Chiều	9	2	-2345-890123456-----
900	31721493	Ngữ âm tiếng Việt	20-0101	2	Trần Văn Sáng	20SNV4+	A6-402	7	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
901	31821597	Phương pháp luận sử học	20-0101	2	Trương Anh Thuận	20CLS	B3-405	2	Chiều	9	2	-2345-890123456-----
902	31831443	Lý luận quan hệ quốc tế	20-0101	3	Lương Ánh Linh	20CLS	B3-103	3	Sáng	2	4	-2345-890123456-----
903	31831590	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành QHQT	20-0101	3	Lưu Trang	20CLS	A1-203	3	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
904	31831880	Tiếp xúc văn hóa giữa phương Đông và phương Tây	20-0101	3	Lê Thị Mai	20CLS	B3-204	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
905	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0119	3	Đinh Thị Phụng	20CVNH1	B3-202	3	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
906	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0112	2	Lê Văn Mỹ	20CVNH1	A5-206	6	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
907	31821078	Cơ sở khảo cổ học	20-0102	2	Trương Anh Thuận	20CVNH1	B3-101	6	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
908	31821708	Tài nguyên du lịch	20-0101	2	Ngô Thị Hương	20CVNH1	A6-403	2	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
909	31831221	Du lịch làng nghề	20-0101	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVNH1	B4-02	5	Sáng	3	3	-2345-890123456-----
910	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	20-0101	3	Nguyễn Văn Sang	20CVNH1	B3-203	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
911	31831945	Văn hóa Đông Nam Á	20-0101	3	Tăng Chánh Tín	20CVNH1	B3-203	6	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
912	32031073	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	20-0101	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20CVNH1	B3-203	5	Chiều	8	3	-2345-890123456-----
913	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0120	3	Đinh Thị Phụng	20CVNH2	B3-302	3	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
914	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0113	2	Lê Thị Thanh Bình	20CVNH2	A5-305	2	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
915	31821078	Cơ sở khảo cổ học	20-0103	2	Trương Anh Thuận	20CVNH2	B3-201	4	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
916	31821708	Tài nguyên du lịch	20-0102	2	Ngô Thị Hương	20CVNH2	B3-201	4	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
917	31831221	Du lịch làng nghề	20-0102	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVNH2	B3-206	2	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
918	31831221	Du lịch làng nghề	20-0102	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVNH2	B3-206	6	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
919	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	20-0102	3	Lê Thị Mai	20CVNH2	A6-302	6	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
920	31831945	Văn hóa Đông Nam Á	20-0102	3	Tăng Chánh Tín	20CVNH2	B3-101	5	Chiều	8	3	-2345-890123456-----
921	32031073	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	20-0102	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20CVNH2	B3-101	4	Chiều	8	3	-2345-890123456-----
922	21238902	Triết học Mác - Lênin	20-0102	3	Đinh Thị Phụng	20CVNHC	A6-401	5	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
923	31228012	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0102	2	Nguyễn Đình Lầu	20CVNHC	A5-201	2	Sáng	3	3	-2345-890123456-----
924	31828072	Cơ sở khảo cổ học	20-0101	2	Trương Anh Thuận	20CVNHC	A6-301	3	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
925	31828129	Tài nguyên du lịch	20-0101	2	Ngô Thị Hương	20CVNHC	A6-501	2	Chiều	8	2	-2345-890123456-----
926	31838101	Lịch sử văn minh thế giới	20-0101	3	Nguyễn Văn Sang	20CVNHC	A6-501	3	Sáng	3	3	-2345-890123456-----
927	31838122	Du lịch làng nghề	20-0101	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVNHC	A5-202	3	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
928	31838140	Văn hóa Đông Nam Á	20-0101	3	Tăng Chánh Tín	20CVNHC	A6-401	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
929	32028158	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	20-0101	2	Hồ Thị Thuý Hằng	20CVNHC	A6-401	4	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
930	31841618	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	20-0101	4	Lưu Trang	20SLD	A1-203	3	Sáng	1	4	-2345-890123456-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
931	31931184	Địa lý tự nhiên các lục địa	20-0101	3	Hoàng Thị Diệu Hương	20SLD	B3-502	5	Sáng	1	3	-2345-890123456
932	31931188	Địa lý tự nhiên Việt Nam	20-0101	3	Trần Thị Ân	20SLD	B3-506	2	Chiều	8	3	-2345-890123456
933	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0106	2	Đoàn Duy Bình	20SLD+	A5-206	3	Chiều	6	3	-2345-890123456
934	31831078	Cơ sở Khảo cổ học	20-0101	3	Trương Anh Thuận	20SLS	A5-401	3	Sáng	3	3	-2345-890123456
935	31841414	Lịch sử thế giới cận đại	20-0101	4	Nguyễn Văn Sang	20SLS+	B3-406	5	Sáng	1	4	-2345-890123456
936	31841422	Lịch sử Việt Nam cận đại	20-0101	4	Nguyễn Duy Phương	20SLS+	B3-406	6	Chiều	6	4	-2345-890123456
937	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0114	2	Hồ Ngọc Tú	20CDDL1	A5-305	2	Chiều	6	3	-2345-890123456
938	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	20-0103	3	Trương Trung Phương	20CDDL1	B3-506	2	Sáng	1	3	-2345-890123456
939	31921169	Địa danh học và địa danh Việt Nam	20-0101	2	Trương Phước Minh	20CDDL1	B4-02	4	Chiều	7	2	-2345-890123456
940	31921178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	20-0101	2	Trương Văn Cảnh	20CDDL1	B3-503	5	Sáng	1	2	-2345-890123456
941	31921186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	20-0102	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	20CDDL1	B3-206	3	Chiều	9	2	-2345-890123456
942	31931184	Địa lý tự nhiên các lục địa	20-0102	3	Hoàng Thị Diệu Hương	20CDDL1	B3-506	4	Sáng	1	3	-2345-890123456
943	31931954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	20-0101	3	Trần Thị Mai An	20CDDL1	B3-506	3	Chiều	6	3	-2345-890123456
944	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0115	2	Hồ Ngọc Tú	20CDDL2	A5-305	3	Sáng	1	3	-2345-890123456
945	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	20-0104	3	Trương Trung Phương	20CDDL2	B3-505	2	Chiều	6	3	-2345-890123456
946	31921169	Địa danh học và địa danh Việt Nam	20-0102	2	Trương Phước Minh	20CDDL2	B3-203	4	Chiều	9	2	-2345-890123456
947	31921178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	20-0102	2	Trương Văn Cảnh	20CDDL2	B3-503	5	Sáng	3	2	-2345-890123456
948	31921186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	20-0103	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	20CDDL2	B3-505	3	Sáng	4	2	-2345-890123456
949	31931184	Địa lý tự nhiên các lục địa	20-0103	3	Hoàng Thị Diệu Hương	20CDDL2	B3-505	4	Chiều	6	3	-2345-890123456
950	31931954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	20-0102	3	Nguyễn Thị Kim Thoa	20CDDL2	B3-505	3	Chiều	6	3	-2345-890123456
951	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0115	3	Dương Đình Tùng	20CDDL2+	B3-202	4	Sáng	3	3	-2345-890123456
952	31121765	Thống kê thực hành	20-0101	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20SDL	A5-306	5	Sáng	1	2	-2345-890123456
953	31921186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	20-0101	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	20SDL	A5-401	4	Sáng	1	2	-2345-890123456
954	31921337	Khoa học môi trường đại cương	20-0101	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	20SDL	A5-401	4	Sáng	3	2	-2345-890123456
955	31921594	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục (Địa lý)	20-0101	2	Đoàn Thị Thông	20SDL	B3-404	4	Chiều	6	2	-2345-890123456
956	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0113	3	Dương Đình Tùng	20SDL+	B3-502	3	Sáng	1	3	-2345-890123456
957	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	20-0102	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	20SDL+	B3-502	6	Sáng	1	3	-2345-890123456
958	31121765	Thống kê thực hành	20-0102	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20CTL1	B3-103	4	Sáng	4	2	-2345-890123456
959	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0116	2	Hồ Ngọc Tú	20CTL1	A5-305	4	Sáng	1	3	-2345-890123456
960	31721993	Xã hội học đại cương	20-0104	2	Hà Văn Hoàng	20CTL1	B3-203	6	Sáng	4	2	-2345-890123456
961	32021716	Tâm lý học đại cương 3	20-0101	2	Lê Mỹ Dung	20CTL1	A6-502	6	Sáng	1	2	-2345-890123456
962	32031114	Công tác xã hội	20-0101	3	Nguyễn Thị Hằng Phương	20CTL1	B3-103	3	Chiều	6	3	-2345-890123456
963	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0116	3	Dương Đình Tùng	20CTL1+	B3-102	6	Chiều	6	3	-2345-890123456
964	32041715	Tâm lý học đại cương 2	20-0101	4	Nguyễn Thị Trâm Anh	20CTL1+	A6-302	5	Chiều	6	4	-2345-890123456
965	31121765	Thống kê thực hành	20-0103	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20CTL2	B3-503	3	Sáng	3	2	-2345-890123456
966	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0117	2	Hồ Ngọc Tú	20CTL2	A5-305	3	Chiều	6	3	-2345-890123456
967	31721993	Xã hội học đại cương	20-0105	2	Hà Văn Hoàng	20CTL2	B3-103	3	Chiều	9	2	-2345-890123456

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
968	32021716	Tâm lý học đại cương 3	20-0102	2	Lê Mỹ Dung	20CTL2	B3-506	3	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
969	32031114	Công tác xã hội	20-0102	3	Phạm Thị Kiều Duyên	20CTL2	B3-502	2	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
970	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	20-0105	2	Trương Thị Thanh Mai	20CTL2	B4-06	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
971	31128073	Thống kê thực hành	20-0101	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20CTLC	A5-202	3	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
972	32028104	Tâm lý học khác biệt	20-0101	2	Hoàng Thế Hải	20CTLC	B3.202B	5	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
973	32038075	Developmental Psychology 1 (Tâm lý học phát triển 1)	20-0101	3	Nguyễn Thị Phương Trang	20CTLC	A6-501	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
974	32048074	Tâm lý học đại cương 2	20-0101	4	Nguyễn Thị Trâm Anh	20CTLC	B3.202B	6	Sáng	1	4	-2345-890123456-----
975	33128102	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	20-0101	2	Trương Thị Thanh Mai	20CTLC	B3.202B	3	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
976	32021851	Thực tế công tác xã hội	20-0101	2	Nguyễn Thị Hằng Phương	20CTXH					2	-2345-890123456-----
977	32031280	Hành vi con người và môi trường xã hội	20-0101	3	Hà Văn Hoàng	20CTXH	A5-401	4	Chiều	8	3	-2345-890123456-----
978	32031616	Truyền thông trong Công tác xã hội	20-0101	3	Nguyễn Thị Hằng Phương	20CTXH	B3-104	2	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
979	32041724	Tâm lý học phát triển	20-0101	4	Hồ Thị Thuý Hằng	20CTXH	A5-401	5	Sáng	1	4	-2345-890123456-----
980	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0107	2	Đoàn Duy Bình	20CTXH+	A5-207	5	Chiều	8	3	-2345-890123456-----
981	31232178	Cơ sở lập trình	20-0101	3	Trần Văn Hưng	20STC	B3-402	4	Sáng	3	3	-2345-890123456-----
982	32222173	Nhập môn Tin học và Công nghệ ở tiểu học	20-0101	2	Trần Thị Kim Cúc	20STC	B3-204	4	Sáng	1	2	-2345-890123456-----
983	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0114	3	Dương Đình Tùng	20STC+	B3-102	2	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
984	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0118	2	Phạm Dương Thu Hằng	20STH1	A5-209	2	Sáng	3	3	-2345-890123456-----
985	32031259	Giáo dục học tiểu học (2)	20-0102	3	Bùi Văn Vân	20STH1	B3-202	5	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
986	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	20-0102	2	Lê Sao Mai	20STH1	B3-101	5	Chiều	6	2	-2345-890123456-----
987	32231089	Cơ sở Toán học 2 của môn Toán ở tiểu học	20-0101	3	Nguyễn Văn Thà	20STH1	B3-401	6	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
988	32241094	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	20-0101	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	20STH1	B3-203	2	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
989	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0121	3	Đinh Thị Phượng	20STH2	A6-202	4	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
990	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0119	2	Phạm Dương Thu Hằng	20STH2	A5-305	6	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
991	32031259	Giáo dục học tiểu học (2)	20-0103	3	Bùi Văn Vân	20STH2	B3-302	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
992	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	20-0103	2	Nguyễn Thị Thuý Nga	20STH2	B3-503	5	Chiều	8	2	-2345-890123456-----
993	32231089	Cơ sở Toán học 2 của môn Toán ở tiểu học	20-0102	3	Nguyễn Nam Hải	20STH2	B3-101	5	Sáng	3	3	-2345-890123456-----
994	32241094	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	20-0102	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	20STH2	B8-01	3	Chiều	6	4	-2345-890123456-----
995	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0120	2	Nguyễn Hoàng Hải	20STH3	A5-305	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
996	32031259	Giáo dục học tiểu học (2)	20-0104	3	Bùi Văn Vân	20STH3	B3-402	5	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
997	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	20-0104	2	Nguyễn Thị Thuý Nga	20STH3	B3-202	5	Sáng	4	2	-2345-890123456-----
998	32231089	Cơ sở Toán học 2 của môn Toán ở tiểu học	20-0103	3	Nguyễn Thị Mai Thủy	20STH3	A6-502	2	Sáng	1	3	-2345-890123456-----
999	32241094	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	20-0103	4	Lê Sao Mai	20STH3	B3-103	6	Sáng	2	4	-2345-890123456-----
1000	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0118	3	Đinh Thị Phượng	20STH3+	A6-302	2	Chiều	6	3	-2345-890123456-----
1001	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0121	2	Nguyễn Hoàng Hải	20STH4	A5-305	5	Chiều	6	3	-2345-890123456-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
1002	32231089	Cơ sở Toán học 2 của môn Toán ở tiểu học	20-0104	3	Nguyễn Thị Mai Thủy	20STH4	B3-401	2	Chiều	6	3	-2345-890123456-
1003	32241094	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	20-0104	4	Lê Sao Mai	20STH4	B3-201	6	Chiều	6	4	-2345-890123456-
1004	21231902	Triết học Mác - Lênin	20-0117	3	Dương Đình Tùng	20STH4+	B3-202	4	Chiều	6	3	-2345-890123456-
1005	32031259	Giáo dục học tiểu học (2)	20-0101	3	Bùi Văn Vân	20STH4+	B3-202	2	Sáng	3	3	-2345-890123456-
1006	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	20-0101	2	Lê Sao Mai	20STH4+	A5-107	5	Sáng	3	2	-2345-890123456-
1007	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0122	2	Đặng Thị Kim Ngân	20SMN1	A5-305	6	Chiều	6	3	-2345-890123456-
1008	32321710	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	20-0101	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20SMN1	A6-302	5	Sáng	4	2	-2345-890123456-
1009	32331204	Dinh dưỡng trẻ em	20-0101	3	Phan Thị Nga	20SMN1	B3-401	7	Sáng	1	3	-2345-890123456-
1010	32331257	Giáo dục học mầm non	20-0101	3	Lê Thị Hằng	20SMN1	B3-401	5	Chiều	6	3	-2345-890123456-
1011	32331463	Mĩ thuật	20-0101	3	Lê Thị Hoài Thương	20SMN1	A6-403	3	Chiều	6	3	-2345-890123456-
1012	32341007	Âm nhạc	20-0101	4	Nguyễn Thị Yến	20SMN1	A6-403	2	Sáng	1	4	-2345-890123456-
1013	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0123	2	Đặng Thị Kim Ngân	20SMN2	A5-207	2	Sáng	1	3	-2345-890123456-
1014	32321710	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	20-0102	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20SMN2	A6-302	3	Chiều	8	2	-2345-890123456-
1015	32331204	Dinh dưỡng trẻ em	20-0102	3	Lê Thị Anh Kiều	20SMN2	B3-501	6	Chiều	6	3	-2345-890123456-
1016	32331257	Giáo dục học mầm non	20-0102	3	Lê Thị Hằng	20SMN2	A5-308	4	Chiều	8	3	-2345-890123456-
1017	32331463	Mĩ thuật	20-0102	3	Lê Thị Hoài Thương	20SMN2	B3-206	6	Sáng	1	3	-2345-890123456-
1018	32341007	Âm nhạc	20-0102	4	Nguyễn Thị Yến	20SMN2	B3-301	7	Sáng	1	4	-2345-890123456-
1019	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0124	2	Đặng Thị Kim Ngân	20SMN3	A5-305	7	Sáng	1	3	-2345-890123456-
1020	32321710	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	20-0103	2	Bùi Thị Thanh Diệu	20SMN3	B3-401	6	Chiều	8	2	-2345-890123456-
1021	32331204	Dinh dưỡng trẻ em	20-0103	3	Lê Thị Anh Kiều	20SMN3	B3-401	4	Sáng	1	3	-2345-890123456-
1022	32331257	Giáo dục học mầm non	20-0103	3	Lê Thị Duyên	20SMN3	B3-401	5	Sáng	1	3	-2345-890123456-
1023	32331463	Mĩ thuật	20-0103	3	Lê Thị Hoài Thương	20SMN3	B3-306	2	Chiều	6	3	-2345-890123456-
1024	32341007	Âm nhạc	20-0103	4	Nguyễn Thị Yến	20SMN3	B3-401	3	Chiều	6	4	-2345-890123456-

Ghi chú

- Các mốc thời gian đi thực tập, thực tế thiên nhiên, kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, nghỉ tết, ... theo kế hoạch năm học 2020-2021. Những lớp HP bố trí còn thiếu số tiết trong Thời khóa biểu, Giảng viên tự bố trí dạy bù theo quy định.
- Đối với các học phần thực giảng, mời giảng: các Khoa lập tờ trình (kèm hồ sơ mời giảng theo quy định 2823/QĐ-DHDN) gửi về phòng Đào tạo trong tuần thực học đầu tiên để tổng hợp và trình Lãnh đạo Trường duyệt mới được thực hiện và thanh toán giờ giảng.
- Giảng viên, Sinh viên xem Thời khóa biểu cá nhân tại website: <http://qlht.ued.udn.vn>.

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 12 năm 2020



TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Phan Đức Tuấn